

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



18:58

Group
U14

Round
5

Board
1

Date
8/24/2026

WHITE Zuo Junyu											
BLACK King Xyan Beltan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Rc1	Ra2	41	d5	exd5	61	f4	Ra1
2	c4	e6	22	Nf5	Nf5	42	Ra5	Re6	62	Rd6	Rc4
3	g3	Nf6	23	Qxc5	Qxc5	43	Ra5	Rb4	63	Kd5	Ra5
4	Bg2	Nbd7	24	Bxa5	h6	44	f3	Rb2+	64	Kc6	Ra6
5	O-O	dxc4	25	Rb1	Bxb2	45	Kg3	Kf7	65	Kc5	Ra4
6	Qa4	a6	26	Bxb4	Ba3	46	Kf4	Rb3	66	Ra6	Ra4
7	Qxc4	b5	27	Bxa3	Rxa3	47	Kg3	Rc3	67	Kd5	Rg4
8	Qc2	Bb7	28	Rb7	g6	48	Ra7	Kf5	68	e6	h4
9	d3	c5	29	g4	Rg7	49	Ra6	Kf7	69	Ra5	h3
10	a4	Be7	30	d4	Kf6	50	Rf6	Kg7	70	Rg7	Kc8
11	Nc3	Qb6	31	e3	Ra2	51	Ra6	Kf7	71	Kf6	Rf4
12	Qb3	Nd5	32	h4	Kg7	52	Rb6	Ra3	72	Kg6	Rh4
13	axb5	Nxc3	33	Rg3	Ra1	53	Rb7	Rf8	73	Kf6	Rf4
14	Qxc3	Bf6	34	Kg2	Ra2	54	Kf4	Rc3	74	Kc5	Rh4
15	Qc2	axb5	35	Rd7	Rb2	55	Rd7	Ra3	75	Kf6	Rf4
16	Rxa8	Bxa6	36	g5	h5	56	e5	Ra4	76		
17	Be3	b4	37	Rd8	Rb7	57	Kg3	Ra3	77		
18	Nd2	Bg2	38	e4	f6	58	Rd4	Re3	78		
19	Rg2	O-O	39	Rd6	fxc5	59	Kf4	Ra3	79		
20	Nb3	Ra8	40	hxc5	Kf7	60	Kc4	Re7	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



18:58

Group
B4

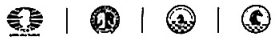
Round
5

Board
1

Date
2026.8.24

WHITE Zuo Junyu											
BLACK Beltan, King Xyan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Rc1	Ra2	41	d5	exd5	61	f4	Ra1
2	c4	e6	22	Nf5	Nf5	42	Ra5	Re6	62	Rd6	Rc4
3	g3	Nf6	23	Qxc5	Qxc5	43	Ra5	Rb4	63	Kd5	Ra5
4	Bg2	Nbd7	24	Bxa5	h6	44	f3	Rb2+	64	Kc6	Ra6
5	O-O	dxc4	25	Rb1	Bxb2	45	Kg3	Kf7	65	Kc5	Ra4
6	Qa4	a6	26	Bxb4	Ba3	46	Kf4	Rb3	66	Ra6	Ra4
7	Qxc4	b5	27	Bxa3	Rxa3	47	Kg3	Rc3	67	Kd5	Rg4
8	Qc2	Bb7	28	Rb7	g6	48	Ra7	Kf5	68	e6	h4
9	d3	c5	29	g4	Rg7	49	Ra6	Kf7	69	Ra5	h3
10	a4	Be7	30	d4	Kf6	50	Rf6	Kg7	70	Rg7	Kc8
11	Nc3	Qb6	31	e3	Ra2	51	Ra6	Kf7	71	Kf6	Rf4
12	Qb3	Nd5	32	h4	Kg7	52	Rb6	Ra3	72	Kg6	Rh4
13	axb5	Nxc3	33	Rg3	Ra1	53	Rb7	Rf8	73	Kf6	Rf4
14	Qxc3	Bf6	34	Kg2	Ra2	54	Kf4	Rc3	74	Kc5	Rh4
15	Qc2	axb5	35	Rd7	Rb2	55	Rd7	Ra3	75	Kf6	Rf4
16	Rxa8	Bxa6	36	g5	h5	56	e5	Ra4	76		
17	Be3	b4	37	Rd8	Rb7	57	Kg3	Ra3	77		
18	Nd2	Bg2	38	e4	f6	58	Rd4	Re3	78		
19	Rg2	O-O	39	Rd6	fxc5	59	Kf4	Ra3	79		
20	Nb3	Ra8	40	hxc5	Kf7	60	Kc4	Re7	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

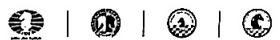
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



18:22
Date 8/27
Group A
Round 5
Board 2

WHITE Feng Yusheng						FED CHN						RESULT(W) 1					
BLACK Lee Jiwoo						FED KOR						RESULT(B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	O4	E5	21	K4	G4h	41			61								
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	K4h	42			62								
3	J4	Bd4	23	Bg5	f6	43			63								
4	Nxd4	Be5	24	Bx4	Bf7	44			64								
5	Nxe6	bxc6	25	Bx4	R4f7	45			65								
6	Bb3	d6	26	Qd5	R4f7	46			66								
7	O-O	Nf6	27	G4h	E4g	47			67								
8	Ng3	O-O	28	Rf4	E4g	48			68								
9	Nat	Bb6	29	R5	E4b2	49			69								
10	Bg5	h6	30	G4b	K4g	50			70								
11	Nxb6	cx6	31	R4f5	G4c2	51			71								
12	B4f	f5	32	R4d5	K4f7	52			72								
13	Bg3	Bg4	33	R4h8	Q4c5	53			73								
14	f3	B4h5	34	E5	E4g	54			74								
15	Qd2	B4g	35	Rxe8		55			75								
16	R4d1	Q4e7	36			56			76								
17	Q4c3	c5	37			57			77								
18	B4c4	R4d8	38			58			78								
19	Qd2	N4e8	39			59			79								
20	R4d2	f5	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
Feng Yusheng						Lee Jiwoo						Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



18:22
Date 8/27
Group A
Round 5
Board 2

WHITE 洪宇生						FED						RESULT(W) /					
BLACK Lee Jiwoo						FED						RESULT(B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4g	E5g	21	R4g	g4h	41			61								
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	K4h	42			62								
3	J4	Bd4	23	Bg5	f6	43			63								
4	Nxd4	Be5	24	Bx4	Bf7	44			64								
5	Nxe6	bxc6	25	Bx4	R4f7	45			65								
6	Bb3	d6	26	Qd5	R4f7	46			66								
7	O-O	Nf6	27	G4h	E4g	47			67								
8	Ng3	O-O	28	Rf4	E4g	48			68								
9	Nat	Bb6	29	R5	E4b2	49			69								
10	Bg5	h6	30	G4b	K4g	50			70								
11	Nxb6	cx6	31	R4f5	G4c2	51			71								
12	B4f	f5	32	R4d5	K4f7	52			72								
13	Bg3	Bg4	33	R4h8	Q4c5	53			73								
14	f3	B4h5	34	E5	E4g	54			74								
15	Qd2	B4g	35	Rxe8		55			75								
16	R4d1	Q4e7	36			56			76								
17	Q4c3	c5	37			57			77								
18	B4c4	R4d8	38			58			78								
19	Qd2	N4e8	39			59			79								
20	R4d2	f5	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
洪宇生						Lee						Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/5/2026 Board 3

WHITE <i>Karthikeyan Rajendran</i>										FED MAS	RESULT(W) 1/2
BLACK <i>Lee Gyuhyun</i>										FED KOR	RESULT(B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Na3	d5	41	Ke3	Bc7	61		
2	Nf3	Nc6	22	exd5	R4d8	42	Kc4	b5	62		
3	d4	exd4	23	Nc4	Bf5	43	Bf3	f1	63		
4	Nxd4	Bc5	24	d6	Bd3	44	Bd2	Kef	64		
5	Bc3	Qf6	25	Rfc1	Bxc4	45	Kb5	Kd4	65		
6	c3	Nge7	26	bxc4	cx6	46	Rxa5	Bxa5	66		
7	Bc4	d6	27	Rab1	Bc7	47	Kx00	C5	67		
8	O-O	Bb6	28	Rx57	Rd8	48	Kb7	Kxd9	68		
9	a4	O-O	29	b3	Rfe8	49	g4	B-	69		
10	Na3	Ne5	30	Re1	Rx4	50	Jx6	g4	70		
11	Be2	Qh4	31	Bxc1	Bf8	51	h3	f3	71		
12	f4	Ng5	32	Bf2	g5	52	a2	E2	72		
13	Bxg5	Bxg5	33	fxg5	Bxg5	53	h1=0	C8=0	73		
14	Qb3	Nc6	34	Bb8	Bd2	54	Qd2+	Kes	74		
15	Bf2	Nxd4	35	E5	Bb4	55	Qc7	Qe	75		
16	cxd4	Qf6	36	cx6	Rd7	56	Qb5+	Kes	76		
17	Qg3	Bd7	37	Rd1	Rd6	57	Qe1	1c6	77		
18	Nc2	a5	38	Rd6	Bd1	58	Kc3	Qc5	78		
19	b3	Qg6	39	Rf1	KP8	59	Qh3	Kg4	79		
20	Qx6	hx6	40	Ked	Kc7	60	Qg4	Kh6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24 Board 3

WHITE <i>Rajendran, Karthikeyan</i>										FED MAS	RESULT(W) 1
BLACK <i>Lee Gyuhyun</i>										FED KOR	RESULT(B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Na3	d5	41	Kd3	Bc7	61		
2	Nf3	Nc6	22	exd5	R4d8	42	Kc4	b5	62		
3	d4	exd4	23	Nc4	Bf5	43	Bc3	f6	63		
4	Nxd4	Bc5	24	d6	Bd3	44	Bd2	Kef	64		
5	Bc3	Qf6	25	Rfc1	Bxc4	45	Kb5	Kd4	65		
6	c3	Nge7	26	bxc4	cx6	46	Rxa5	Bxa5	66		
7	Bc4	d6	27	Rab1	Bc7	47	Kx00	C5	67		
8	O-O	Bb6	28	Rx57	Rd8	48	Kb7	Kxd9	68		
9	a4	O-O	29	b3	Rfe8	49	g4	B-	69		
10	Na3	Ne5	30	Re1	Rx4	50	Jx6	g4	70		
11	Be2	Qh4	31	Bxc1	Bf8	51	h3	f3	71		
12	f4	Ng5	32	Bf2	g5	52	a2	E2	72		
13	Bxg5	Bxg5	33	fxg5	Bxg5	53	h1=0	C8=0	73		
14	Qb3	Nc6	34	Bb8	Bd2	54	Qd2+	Kes	74		
15	Bf2	Nxd4	35	E5	Bb4	55	Qc7	Qe	75		
16	cxd4	Qf6	36	cx6	Rd7	56	Qb5+	Kes	76		
17	Qg3	Bd7	37	Rd1	Rd6	57	Qe1	1c6	77		
18	Nc2	a5	38	Rd6	Bd1	58	Kc3	Qc5	78		
19	b3	Qg6	39	Rf1	KP8	59	Qh3	Kg4	79		
20	Qx6	hx6	40	Ked	Kc7	60	Qg4	Kh6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group U14

Round 5

Board 4

WHITE Lv, Ruiqi										FED CHN	RESULT (W)
BLACK Song, Jihun										FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Rd2	Kf1	41	Bc4	Kd5	61		
2	Nc3	c5	22	Bb4	Qc6	42	Rd4	Kd6	62		
3	Qd3	d5	23	Nb6	Qe8	43	Kd4	Kd5	63		
4	cd	Nd6	24	Nc4	Rd7	44	Bd4		64		
5	Bd2	Nc7	25	Nb6	Dd6	45			65		
6	Nf3	Nc6	26	Qd4	Nc6	46			66		
7	B-d	e5	27	Qd3	Rd6	47			67		
8	Qd3	Bc7	28	Rd6	Rd6	48			68		
9	Bd4	Fb	29	Bd6	Qe8	49			69		
10	d5	Nd4	30	Bd3	Kf7	50			70		
11	Rd1	Bc6	31	Qd7	Kd7	51			71		
12	Qd3	Nd3	32	Qc5	Nd4	52			72		
13	Qd3	Bc6	33	Qd4	Kd6	53			73		
14	Rd1	Q-d	34	Rd7	Qd5	54			74		
15	b6	ab	35	Qd7	Nd4	55			75		
16	Rd6	Rd6	36	Kd7	Nd4	56			76		
17	Rd1	Qd7	37	Kd7	Qd7	57			77		
18	Nd5	Rd1	38	Rd1	Qd7	58			78		
19	d4	Bd8	39	Bd4	Nd3	59			79		
20	dc	Qd5	40	Bd4	Kd6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lv, Ruiqi			Song, Jihun			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group U14

Round 5

Board 4

WHITE Lv, Ruiqi										FED CHN	RESULT (W)
BLACK Song, Jihun										FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Bd2	Rd7	41	Rd6	Kd7	61		
2	Nc3	c5	22	Bd4	Kd6	42	Rd6	Kd7	62		
3	Qd3	d5	23	Nb6	Rd6	43	Rd6	Kd7	63		
4	cd	Nd6	24	Nc4	Rd7	44	Rd6	Kd7	64		
5	Bd2	Nc7	25	Nb6	Dd6	45	Rd6	Kd7	65		
6	Nf3	Nc6	26	Qd4	Nc6	46	Rd6	Kd7	66		
7	O-O	e5	27	Qd3	Rd6	47	Rd6	Kd7	67		
8	Qd3	Bc7	28	Rd6	Rd6	48	Rd6	Kd7	68		
9	Bd4	Fb	29	Bd6	Qe8	49	Rd6	Kd7	69		
10	d5	Nd4	30	Bd3	Kf7	50	Rd6	Kd7	70		
11	Rd1	Bc6	31	Qd7	Kd7	51	Rd6	Kd7	71		
12	Qd3	Nd3	32	Qc5	Nd4	52	Rd6	Kd7	72		
13	Qd3	Bc6	33	Qd4	Kd6	53	Rd6	Kd7	73		
14	Rd1	O-O	34	Rd7	Qd5	54	Rd6	Kd7	74		
15	b6	axb6	35	Qd7	Nd4	55	Rd6	Kd7	75		
16	Rd6	Rd6	36	Kd7	Nd4	56	Rd6	Kd7	76		
17	Rd1	Qd7	37	Kd7	Qd7	57	Rd6	Kd7	77		
18	Nd5	Rd1	38	Rd1	Qd7	58	Rd6	Kd7	78		
19	d4	Bd8	39	Bd4	Nd3	59	Rd6	Kd7	79		
20	dc	Qd5	40	Bd4	Kd6	60	Rd6	Kd7	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lv, Ruiqi			Song, Jihun			Z					

Date 2026
8-24

3	
Board	

5

五

Date 8.24

Board	
-------	--

3
from /

5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



19:13

Group B14

Round 5

Board 6

Date 2026-01-24

WHITE: Erkenbaatar, Galtanor											
BLACK: Kurniawan, Theodore Daniel											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	d6	Nd5	41	g2	c5	61	g4	g3
2	c4	d6	22	0-0	Kf8	42	Rc1	Rd7	62	h3	g4
3	Nc3	M6	23	Nc3	Rd2	43	Rd1	Rd1	63	g7	g5
4	g5	g7	24	Rd1	Nd3	44	Kd2	g5	64	Kd4	Kf7
5	c3	0-0	25	Nd4	Rd2	45	h3	Kd4	65	Rd5	h3
6	c5	h6	26	Ed3	g6	46	Kd2	Kd5	66	R6	Kd8
7	g4	h6	27	Rd4	Rd6	47	Kd2	Rd2	67	Kd6	h5
8	h4	g5	28	Rd5	Rd8	48	g5	Kd6	68	h4	R5
9	g3	Nd4	29	h4	g4	49	g4	g7	69	g5	h4
10	g7	g7	30	Rd5	Rd2	50	g4	h4	70	Kd5	Kd7
11	Nd4	g6	31	Rd5	Kd7	51	Kd5	Kd5	71	Rd5	h4
12	g4	g5	32	Rd1	h4	52	Rd2	g5	72	Kd4	Rd2
13	g3	Rd8	33	h5	Nd5	53	R5	g4	73	Rd6	h3
14	h4	g6	34	g4	Rd5	54	Rd3	Rd7	74	h3	
15	g6	c5	35	Rd5	g6	55	c5	g7	75		
16	g5	g5	36	Rd1	Kd5	56	g6	Rd7	76		
17	Nd2	g6	37	Rd4	Kd6	57	Rd2	Kd5	77		
18	h6	Nd7	38	g4	h5	58	Rd4	Kd5	78		
19	g5	Rd8	39	g4	g4	59	g4	h5	79		
20	g6	Rd6	40	g4	g5	60	g5	h5	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



19:13

Group B14

Round 5

Board 6

Date 24-01-2026

WHITE: Erdenbaatar, Galtanor											
BLACK: Theodore, Kurniawan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	dxc6	Nd5	41	Bg2	c5	61	Bd4	Rf3
2	c4	e6	22	0-0	Kf8(h4)	42	Rc1	Rb1	62	Kd3	Bg4
3	Nc3	Nf6	23	Nc3	Rb2	43	Rd1	Bd1	63	e7	Bd5
4	Bg5	Be7	24	Rd1	Nd3	44	Kf2	Kf5	64	Kd4	Ke7
5	e3	0-0	25	Nd4	Be4	45	Bh3+	Ke4	65	ices	Bd3
6	c5	h6	26	Bd3	Bxc6	46	Ke2	Kd5	66	Bc6	Kd8
7	Bh4	b6	27	Rd1	Rb6	47	Kd2	Bd2	67	Kd6	h5
8	b4	a5	28	Rc5	Rd8	48	Bd5	Kd6	68	a4	g5
9	a3	Ne4	29	Rc4	a4	49	e4	Bd7	69	a5	g4
10	Bd7	Qe7	30	Rd5	Rd2	50	Bg4	c4	70	kes	kc7
11	Nd4	dxc4	31	Rc5	Ke7	51	Kc3	Kc5	71	Bd5	h4
12	Bc4	Qg5(h4)	32	Rc1	A6	52	Be2	Bd8	72	Kf4	Bd2
13	g3	Rd8(h4)	33	h5	Kd6	53	f5	Bd7	73	Be6	g3
14	h4	Qd4(h4)	34	Bf1	Rd5	54	Bf3	Bd8	74	Bh3	
15	g6	e5(h4)	35	Rd5	Bd5	55	c5	Bd7	75		
16	g5	Bf5(h4)	36	Rd1	Ke5	56	e6	Bd8	76		
17	Ne2	bxc4(h4)	37	A4	Ke6	57	Bd2	Kd5	77		
18	Bxc5	Rd7	38	Bh3+	f5	58	Bxc4	Ke5	78		
19	Qd5	Rd8(h4)	39	g4	Be4	59	Bd3	Bd5	79		
20	Qc6	Bxc6	40	gxf5	Bd5	60	Bh5	Kf6	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24 Board 7

WHITE Xia Peicheng											
BLACK Xiaojiao											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd1	Nb3	41	Ke3	f4-1	61		
2	c4	e6	22	Rxb6	Rxb8	42	Kf3	b6	62		
3	Nc3	c5	23	Qe1	Nxa1	43	axb6	axb6	63		
4	cxdb5	cxdb4	24	Qxal	Qxb3	44	kg2	b5	64		
5	Qxb2	Nxb	25	Kh1	h6	45	Kf3	b4	65		
6	Bd1	exd5	26	Bf3	Qf2	46	Kf1	g2	66		
7	Qxb5	Bxb	27	Gxcl	Rxb3	47	Kf5	g1-Q	67		
8	a3	Nf6	28	Ne2	Rxe2	48	Kxf4	Qg5	68		
9	Qd1	O-O	29	Bxe2	Qxc2	49	Ke4	Qd5	69		
10	Nf3	Qe7	30	N3	Bd1	50	Kf4	Qd5	70		
11	e3	Rd8	31	Qg	Qd2	51	Kf3	Kd5	71		
12	Qd4	Nc5	32	Qd1	Qxb2	52	Kg1	Qf6	72		
13	Nxe5	Bxe5	33	Bxe2	Bxe2	53	Kg5	Kf6	73		
14	Qc2	Qc5	34	Kxb2	Kf8	54	kg2	Qf4	74		
15	Bd2	Nf5	35	Kf3	Ke7	55	kg1	Qd2	75		
16	Qcl	Rc8	36	Kb3	Kd6	56	Kh1	Qe2	76		
17	Be2	Qd6	37	Kd4	B5	57	Kg1	Ke4	77		
18	f4	Ne4	38	Nc1	g5	58	Kh1	Kf6	78		
19	fxb5	Bxb5	39	h5	g4	59	Qf1	Qf2	79		
20	O-O	Nxb2	40	g5	g3	60	Kh1	Qg2	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xia Peicheng				Xiaojiao							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24 Board 7

WHITE Xia Peicheng											
BLACK Li Xiaoyao											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd1	Nb3	41	Ke3	f4-1	61		
2	c4	e6	22	Rxb6	Rxb8	42	Kf3	b6	62		
3	Nc3	c5	23	Qe1	Nxa1	43	axb6	axb6	63		
4	cxdb5	cxdb4	24	Qxa1	Qxb3	44	Kg2	b5	64		
5	Qxb2	Nxb	25	Kh1	h6	45	Kf3	b4	65		
6	Qd1	exd5	26	Bf3	Qf2	46	Kf1	g2	66		
7	Qxb5	Bxb	27	Q:1	Rxb3	47	Kf5	g1-Q	67		
8	a3	Nf6	28	Ne2	Rxe2	48	Kxf4	Qg5	68		
9	Qd1	O-O	29	Bxe2	Qxc2	49	Ke4	Qd5	69		
10	Nf3	Qe7	30	h3	Be4	50	Kf4	Qd5	70		
11	e3	Rd8	31	Qg1	Qxb2	51	Kf3	Kd5	71		
12	Qd4	Nc5	32	Qd1	Qxb2	52	Kg1	Qf6	72		
13	Nxe5	Bxe5	33	Qg2	Bxe2	53	Kg5	Kf6	73		
14	Qc2	Qc5	34	Kxb2	Kf8	54	kg2	Qf4	74		
15	Bd2	Nf5	35	Kf3	Ke7	55	kg1	Qd2	75		
16	Qcl	Rc8	36	Kb3	Kd6	56	Kh1	Qe2	76		
17	Be2	Qd6	37	Kd4	B5	57	Kg1	Ke4	77		
18	f4	Ne4	38	Nc1	g5	58	Kh1	Kf6	78		
19	fxb5	Bxb5	39	h5	g4	59	Kg1	Qf2	79		
20	O-O	Nxb2	40	g5	g3	60	Kh1	Qg2	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xia Peicheng				Li Xiaoyao							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 8

18:55

Group U14

Round 5

WHITE Wu, Xing											
BLACK Gabriel Givern											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc3	Nf6	41	Qg3	exf	61		
2	Nf3	e6	22	Bb6	Bd7	42	Qb3	Qe6	62		
3	d4	exd	23	Rd2	Bc6	43	Qb7	a3	63		
4	Nd4	axb	24	Nd4	Qb5	44	fx	Qxb	64		
5	c4	Nf6	25	Bc5	Bc5	45	pxf	Qxf	65		
6	Nc3	Qc7	26	bc	d4	46	Rf1	Qe3	66		
7	Bc3	Be7	27	Nb6	Qb8	47	Kh1	Bh3	67		
8	Be2	Nc6	28	Nc8	Bc8	48	qf	Bu	68		
9	O-O	O-O	29	Rb1	Qc7	49	Qc1	Bc2	69		
10	f3	Rd8	30	Rb2	Nd7	50	Qc6	Rb8	70		
11	Rc1	Nd4	31	cb	Qc6	51	Qc6	Rb8	71		
12	Rd4	ab	32	c5	Nc5	52	Qe7	Rb8	72		
13	Qd2	Bd7	33	Bc4	Nd4	53	Rb8	Rb8	73		
14	Qe3	Re8	34	Rd5	Qb6	54	Rb8	Rb8	74		
15	Rd1	Rc8	35	Rb4	Nc3	55	Qd4	Bc5	75		
16	a3	Qb8	36	Rc1	Nc5	56	Qb8	Bc8	76		
17	Bd7	Qd8	37	ed	Qd5	57	Qb4		77		
18	Bd4	Bc6	38	fx	fx	58			78		
19	Qf2	Nd7	39	Rd4	Rd7	59			79		
20	fx	ex	40	Rc5	Qd6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu, Xing				Gabriel Givern				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 8

18:55

Group U14

Round 5

WHITE Wu, Xing											
BLACK Gabriel Givern											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc3	Nf6	41	Qg3	exf	61		
2	Nf3	e6	22	Bb6	Bd7	42	Qb3	Qe6	62		
3	d4	exd4	23	Rd2	Bc6	43	Qb7	a3	63		
4	Nxd4	axb	24	Nd4	Qb5	44	fx	Qxb	64		
5	c4	Nf6	25	Bc5	Bc5	45	pxf	Qxf	65		
6	Nc3	Qc7	26	bxc5	d4	46	Rf1	Qe3	66		
7	Be3	Be7	27	Nb6	Qb8	47	Kc1	Bh3	67		
8	Be2	Nc6	28	Nc8	Bc8	48	qf	Bu	68		
9	O-O	O-O	29	Rb1	Qc7	49	Qc1	Bc2	69		
10	f3	Rd8	30	Rb2	Nd7	50	Qc6	Rb8	70		
11	Rc1	Nd4	31	cb	Qc6	51	Qc6	Rb8	71		
12	Rd4	ab	32	c5	Nc5	52	Qe7	Rb8	72		
13	Qd2	Bd7	33	Bc4	Nd4	53	Rb8	Rb8	73		
14	Qe3	Re8	34	Rd5	Qb6	54	Rb8	Rb8	74		
15	Rd1	Rc8	35	Rb4	Nc3	55	Qd4	Bc5	75		
16	a3	Qb8	36	Rc1	Nc5	56	Qb8	Bc8	76		
17	Bd7	Qd8	37	ed	Qd5	57	Qb4		77		
18	Bd4	Bc6	38	fx	fx	58			78		
19	Qf2	Nd7	39	Rd4	Rd7	59			79		
20	fx	ex	40	Rc5	Qd6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu, Xing				Gabriel Givern				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/02/24 Board 9

Group U14
Round 5

WHITE Lee Joo won										FED KOR		RESULT (W)
BLACK Wu Zihao										FED CHN		RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	B56	Qe2	41			61			
2	d4	d5	22	Kh1	R98	42			62			
3	Nc3	Nf6	23	Qd4	Qe2	43			63			
4	e5	N5d7	24	R52	Qh5	44			64			
5	f4	c5	25	a5	R94	45			65			
6	N53	Nc6	26	Qe5	Qh6	46			66			
7	Be3	Qb6	27	axb6	axb6	47			67			
8	b65	Be7	28	Qe2	R-e4	48			68			
9	O-O	Qd4	29	Qd6	Kc7	49			69			
10	Nxd4	B5	30	Bg7	Kxh8	50			70			
11	Nce2	Nxd4	31	axb6	Ke7	51			71			
12	Nxd4	Bxh4	32	Qc5	Rd8	52			72			
13	Bxh4	Bxh4	33	Rd8	B38	53			73			
14	Bxd4	Qc7	34	Qd6	h-e8	54			74			
15	c3	b6	35	Rxb8		55			75			
16	d4	g6	36			56			76			
17	B52	g5	37			57			77			
18	Sxg5	axg5	38			58			78			
19	Bd4	axg5	39			59			79			
20	Bxh8	O-O	40			60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
[Signature]			[Signature]			[Signature]						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/02/25 Board 9

Group B14
Round 5

WHITE Lee Joo won										FED KOR		RESULT (W)
BLACK Wu Zihao										FED CHN		RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	B56	Qe2	41			61			
2	d4	d5	22	Kh1	R98	42			62			
3	Nc3	Nf6	23	Qd4	Qe2	43			63			
4	e5	N5d7	24	R52	Qh5	44			64			
5	f4	c5	25	a5	R94	45			65			
6	N53	Nc6	26	Qe5	Qh6	46			66			
7	Be3	Qb6	27	axb6	axb6	47			67			
8	b65	Be7	28	Qe2	R-e4	48			68			
9	O-O	Qd4	29	Qd6	Kc7	49			69			
10	Nxd4	B5	30	Bg7	Kxh8	50			70			
11	Nce2	Nxd4	31	axb6	Ke7	51			71			
12	Nxd4	Bxh4	32	Qc5	Rd8	52			72			
13	Bxh4	Bxh4	33	Rd8	B38	53			73			
14	Bxd4	Qc7	34	Qd6	h-e8	54			74			
15	c3	b6	35	Rxb8		55			75			
16	d4	g6	36			56			76			
17	B52	g5	37			57			77			
18	Sxg5	axg5	38			58			78			
19	Bd4	axg5	39			59			79			
20	Bxh8	O-O	40			60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
[Signature]			[Signature]			[Signature]						

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



18.42

Group B14

Round 5

Date 28/05/26 Board 10

WHITE I veelt, Batsaikhan											
BLACK Ch ng, Kuixue Edite											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	C5	21	F5	Ne5	41	Bc3	Ke6	61		
2	Nf3	Nc6	22	F6	Re6	42	Re2	Be6	62		
3	d4	Cxd4	23	Rf4	Rf7	43	Q3	K4	63		
4	Nd4	g6	24	Rd1	Qd7	44	B5	Ne6	64		
5	C4	Bg7	25	B4	Rf7	45	Ke2	Ng6	65		
6	Bc3	Nf6	26	A4	Rf7	46	Ke3	B3	66		
7	NB3	O-O	27	Qd1	O-O	47	Rd1	Ne3	67		
8	Rc1	B6	28	Qd5	Rd5	48	Bd2	Ke4	68		
9	Qd2	Bb7	29	Qg3	Kh8	49	Bd3	Ke5	69		
10	F3	Qb8	30	Qd5	Nd5	50	Bd2	Ke4	70		
11	Nc2	Rc8	31	Nd5	Bd5	51	Bd3	Ke5	71		
12	O-O	d6	32	Nd5	Bd5	52			72		
13	B3	Rd6	33	Rd7	Nd7	53			73		
14	Rd1	Rd7	34	Bc4	Rd5	54			74		
15	Bd6	Qf8	35	Rd5	Qf5	55			75		
16	Bd7	Kf7	36	Qf4	Qe5	56			76		
17	Nd5	Ne8	37	Qe5	Ne5	57			77		
18	Nc3	E6	38	Re6	F4	58			78		
19	Nc3	Nf6	39	R2	Ke7	59			79		
20	F4	Rd8	40	B5	Ke6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) I veelt				SIGNATURE (BLACK) Ch ng				SIGNATURE (ARBITER) 王			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



18.42

Group B14

Round 5

Date 28/05/26 Board 10

WHITE I veelt Batsaikhan											
BLACK Edite Ch ng											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	C5	21	F5	Ne5	41	Bc3	Ke6	61		
2	Nf3	Nc6	22	F6	Re6	42	Re2	Be6	62		
3	d4	Cxd4	23	Rf4	Rf7	43	Q3	K4	63		
4	Nd4	g6	24	Rd1	Qd7	44	B5	Ne6	64		
5	C4	Bg7	25	B4	Rf7	45	Ke2	Ng6	65		
6	Bc3	Nf6	26	A4	Rf7	46	Ke3	B3	66		
7	Nc3	O-O	27	Qd1	D5	47	Kxg3	Ne3	67		
8	Be2	B6	28	Cxd5	Dd5	48	Be2	Ke4	68		
9	Qd2	Bb7	29	Qg3	Kh8	49	Bd3	Ke5	69		
10	F3	Qb8	30	Cxd5	Nd5	50	Bd2	Ke4	70		
11	Nc2	Rc8	31	Nd5	Bd5	51			71		
12	O-O	D6	32	Nd5	Bd5	52			72		
13	B3	Rd6	33	Rd7	Nd7	53			73		
14	Rd1	Rd7	34	Bc4	Rd5	54			74		
15	Bd6	Qf8	35	Rd5	Qf5	55			75		
16	Bd7	Kf7	36	Qf4	Qe5	56			76		
17	Nd5	Ne8	37	Qe5	Ne5	57			77		
18	Nc3	E6	38	Re6	F4	58			78		
19	Nc3	Nf6	39	R2	Ke7	59			79		
20	F4	Rd8	40	B5	Ke6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) I veelt				SIGNATURE (BLACK) Edite				SIGNATURE (ARBITER) 王			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 11

18:23

Group B14

Round 5

WHITE Lin, Jhen-Jie										FED TPE	RESULT (W)
BLACK Zhang, Xiaozhe										FED CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	a4	Ba6	41	Kc4	Bd8	61	d8	Bd8
2	Nf3	e6	22	b3	Bxb3	42	g3	Pc4	62	Nd8	Kc8
3	e3	d5	23	Qxb3	Nd7	43	Ng4	Be7	63	Nc6	KP8
4	Bd3	c5	24	Rae1	Ra7	44	Nes4	Kc7	64	a5	Ke8
5	c3	Nc6	25	Qb5	Rb7	45	Kd5	fxg3	65	a6	KP8
6	Nxb2	cxg4	26	Qc6	Nf8	46	fxg3	Bb4	66	a7	Kg8
7	exd4	Bxb6	27	Bd6	Qd7	47	g4	Be1	67	a8	Kg7
8	O-O	O-O	28	Qxd7	Rxd7	48	h5	gxh5	68	Qa7	Kg8
9	Qe2	Qc7	29	Bxf8	Kxf8	49	gxh5	Bf2	69	KP6	
10	Re1	Re8	30	Rxe6	Re7	50	Ng4	Bh4	70		
11	Ne5	g6	31	Rxe7	Rxe7	51	Ke6	Kc6	71		
12	Nd4	Bf8	32	Rxe7	Kxe7	52	Nf6	h6	72		
13	Bg5	Bg7	33	Cf1	Bh6	53	d5	Bp4	73		
14	Qd2	Nes	34	Ke2	Ke6	54	Qb4	Kd8	74		
15	Nes	Nd7	35	Kd3	Bf8	55	Nd5	Bh2	75		
16	Nf3	Pf6	36	c4	Bd6	56	Nxb6	Bg1	76		
17	Bh6	b6	37	Nd2	f5	57	Nc4	Bc5	77		
18	Re2	Nf8	38	cxg4	Kd5	58	Nxg5	Bb6	78		
19	Bf4	Qf7	39	Nc4	Bc7	59	Nc6	Ke8	79		
20	h4	a5	40	Ne3	Kc6	60	d7	Kf8	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lin			Zhang Xiaozhe			J					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 11

18:23

Group B14

Round 5

WHITE Lin, Jhen-Jie										FED TPE	RESULT (W)
BLACK Zhang, Xiaozhe										FED CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	a4	Ba6	41	Kc4	Bd8	61	d8	Bd8
2	Nf3	e6	22	b3	Bxb3	42	g3	Pc4	62	Nd8	Kc8
3	e3	d5	23	Qxb3	Nd7	43	Ng4	Be7	63	Nc6	KP8
4	Bd3	c5	24	Rae1	Ra7	44	Nes4	Kc7	64	a5	Ke8
5	c3	Nc6	25	Qb5	Rb7	45	Kd5	fxg3	65	a6	KP8
6	Nxb2	cxg4	26	Qc6	Nf8	46	fxg3	Bb4	66	a7	Kg8
7	exd4	Bxb6	27	Bd6	Qd7	47	g4	Be1	67	a8	Kg7
8	O-O	O-O	28	Qxd7	Rxd7	48	h5	gxh5	68	Qa7	Kg8
9	Qe2	Qc7	29	Bxf8	Kxf8	49	gxh5	Bf2	69	KP6	
10	Re1	Re8	30	Rxe6	Re7	50	Ng4	Bh4	70		
11	Ne5	g6	31	Rxe7	Rxe7	51	Ke6	Kc6	71		
12	Nd4	Bf8	32	Rxe7	Kxe7	52	Nf6	h6	72		
13	Bg5	Bg7	33	Cf1	Bh6	53	d5	Bp4	73		
14	Qd2	Nes	34	Ke2	Ke6	54	Qb4	Kd8	74		
15	Nes	Nd7	35	Kd3	Bf8	55	Nd5	Bh2	75		
16	Nf3	Pf6	36	c4	Bd6	56	Nxb6	Bg1	76		
17	Bh6	b6	37	Nd2	f5	57	Nc4	Bc5	77		
18	Re2	Nf8	38	cxg4	Kd5	58	Nxg5	Bb6	78		
19	Bf4	Qf7	39	Nc4	Bc7	59	Nc6	Ke8	79		
20	h4	a5	40	Ne3	Kc6	60	d7	Kf8	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lin			Zhang Xiaozhe			J					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/26

Group B/4
Round 5
Board 12

WHITE: AihanSoyombo Davaadorj						FED MGL		RESULT (V) 1/2			
BLACK: Ryu Lieranto						FED INA		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Nb5	Qb6	41	Nf6	Rc3	61		
2	exd5	Nf6	22	Bxc5	Qxc5	42	Nk7	Kc8	62		
3	d4	Nxd5	23	Bc4	Nxc4	43	Nf6	Kf8	63		
4	Nf3	Bg4	24	Qxc4	Qc6	44	Nk7	Kg8	64		
5	h3	Bxf3	25	Qxc6	bxc6	45	Nf6	Kf8	65		
6	Qxf3	e6	26	Nd6	Rb8	46	Nk7	Kc8	66		
7	c3	Bc7	27	Nc4	Rfd8	47	Nf6	Kf8	67		
8	Bd3	c6	28	Nc5	Nc2	48	Nk7	1/2-1/2	68		
9	Nd2	Nd7	29	Rxd8	Rxd8	49			69		
10	c4	N5f6	30	Rc1	Nd4	50			70		
11	O-O	O-O	31	Kf1	D68	51			71		
12	Qc2	Qb6	32	Rd1	Nc2	52			72		
13	Nf3	a5	33	Rd7	g6	53			73		
14	Bc3	Qc7	34	Rd7	Ra8	54			74		
15	a4	Rd8	35	Nd7	Nd4	55			75		
16	Rfd1	c5	36	c5	Rd9	56			76		
17	b3	Nb8	37	Ne5	Rd5	57			77		
18	g3	Nc6	38	Nxf7	Rc5	58			78		
19	dxc5	Nb4	39	Nk6	Kf8	59			79		
20	Nd4	Bxc5	40	Ng4	h5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/26

Group B/4
Round 5
Board 12

WHITE: <i>Aihan Soyombo</i>						FED		RESULT (W) <i>1/2</i>			
BLACK: <i>Lieranto, Ryu Manson</i>						FED		RESULT (B) <i>1/2</i>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	<i>e4</i>	<i>d5</i>	21	<i>Nb5</i>	<i>abb</i>	41	<i>Nf6</i>	<i>RC3</i>	61		
2	<i>exd5</i>	<i>Nf6</i>	22	<i>Qxc5</i>	<i>Qxc5</i>	42	<i>Nk7</i>	<i>Kc8</i>	62		
3	<i>d4</i>	<i>Nf15</i>	23	<i>Bc4</i>	<i>Nc4</i>	43	<i>Nf6</i>	<i>Kf8</i>	63		
4	<i>Nf3</i>	<i>Bg4</i>	24	<i>Qxc4</i>	<i>Qc6</i>	44	<i>Nk7</i>	<i>Kg8</i>	64		
5	<i>h3</i>	<i>Bxf3</i>	25	<i>Qxc6</i>	<i>bxc6</i>	45	<i>Nf6</i>	<i>Kf8</i>	65		
6	<i>Qxf3</i>	<i>e6</i>	26	<i>Nd6</i>	<i>Rb8</i>	46	<i>Nk7</i>	<i>Kc8</i>	66		
7	<i>c3</i>	<i>Bc7</i>	27	<i>Nc4</i>	<i>Rfd8</i>	47	<i>Nf6</i>	<i>Kf8</i>	67		
8	<i>Bd3</i>	<i>c6</i>	28	<i>Nc5</i>	<i>Nc2</i>	48	<i>Nk7</i>		68		
9	<i>Nd2</i>	<i>Nd7</i>	29	<i>Rxd8</i>	<i>Rxd8</i>	49			69		
10	<i>c4</i>	<i>Nf6</i>	30	<i>Rc1</i>	<i>Nd4</i>	50			70		
11	<i>O-O</i>	<i>O-O</i>	31	<i>Kf1</i>	<i>Rb8</i>	51			71		
12	<i>Qc2</i>	<i>Qb6</i>	32	<i>Rd1</i>	<i>Nc2</i>	52			72		
13	<i>Nf3</i>	<i>a5</i>	33	<i>Rd7</i>	<i>g6</i>	53			73		
14	<i>Bc3</i>	<i>Qc7</i>	34	<i>Rd7</i>	<i>Ra8</i>	54			74		
15	<i>a4</i>	<i>Rd8</i>	35	<i>Nd7</i>	<i>Nd4</i>	55			75		
16	<i>Rfd1</i>	<i>c5</i>	36	<i>c5</i>	<i>Rd8</i>	56			76		
17	<i>b3</i>	<i>Nb8</i>	37	<i>Nc5</i>	<i>Rd5</i>	57			77		
18	<i>g3</i>	<i>Nc6</i>	38	<i>Nxf7</i>	<i>Rxc5</i>	58			78		
19	<i>dxc5</i>	<i>Nb4</i>	39	<i>Nh6</i>	<i>Kf8</i>	59			79		
20	<i>Nd4</i>	<i>BC5</i>	40	<i>Ng4</i>	<i>h65</i>	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<i>Aihan</i>			<i>Ryu</i>			<i>2</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



17:57

Group B14

Round 5

Date 2026/8/21

Board 13

WHITE Lam, Ethan											
BLACK Decasa Basilio, Lionel											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	gxf3	Qxf3	41	Kxf3	h4	61		
2	d4	e5	22	Bg2	Qf5	42	Rh2	Rh5	62		
3	e5	Qxf3	23	Qxf5	e4	43	Kg4	Kg6	63		
4	Qxf3	Nd6	24	Bxf5	Ra7	44	Rxf4	Rxf4	64		
5	C7	Qxf3	25	Bxf4	fxf4	45	Kxf4	Kf5	65		
6	h3	e6	26	Bf1	gxf3	46	Kg3	Ke4	66		
7	Nf3	Nf6	27	Kh2	Rb7	47	b3	a5	67		
8	O-O	Be7	28	Re3	Rb6	48	Kg4	f5	68		
9	Nb2	O-O	29	Rae1	Rf6	49	Kg3	Ke3	69		
10	Re1	a6	30	Rae2	Bg4	50	Kg2		70		
11	Nf1	b5	31	Rd2	Rd8	51			71		
12	a3	Na5	32	Bxf3	Bxf3	52			72		
13	Bg5	Nc4	33	Kxf3	Rf5	53			73		
14	Qc2	h6	34	Rde2	Rdd5	54			74		
15	Bh4	Nh5	35	Kg3	h5	55			75		
16	Bxe7	Qxe7	36	f4	g5	56			76		
17	Ne3	Nf4	37	fxf5	Rxf5	57			77		
18	Bf1	Qf6	38	Kf3	Rd5	58			78		
19	Ng4	Rd3	39	Ke4	Kg7	59			79		
20	Kh1	Qf4	40	Rf3	Rxf3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Ethan Lam											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



17:57

Group B14

Round 5

Date August 29

Board 13

WHITE Lam, Ethan											
BLACK Lion Decasa Basilio											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	gxf3	Qxf3	41	Kxf3	h4	61		
2	d4	e5	22	Bg2	Qf5	42	Rh2	Rh5	62		
3	e5	Qxf3	23	Qxf5	e4	43	Kg4	Kg6	63		
4	Qxf3	Nd6	24	Bxf5	Ra7	44	Rxf4	Rxf4	64		
5	C7	Qxf3	25	Bxf4	fxf4	45	Kxf4	Kf5	65		
6	h3	e6	26	Bf1	gxf3	46	Kg3	Ke4	66		
7	Nf3	Nf6	27	Kh2	Rb7	47	b3	a5	67		
8	O-O	Be7	28	Re3	Rb6	48	Kg4	f5	68		
9	Nb2	O-O	29	Rae1	Rf6	49	Kg3	Ke3	69		
10	Re1	a6	30	Rae2	Bg4	50	Kg2		70		
11	Nf1	b5	31	Rd2	Rd8	51			71		
12	a3	Na5	32	Bxf3	Bxf3	52			72		
13	Bg5	Nc4	33	Kxf3	Rf5	53			73		
14	Qc2	h6	34	Rde2	Rdd5	54			74		
15	Bh4	Nh5	35	Kg3	h5	55			75		
16	Bxe7	Qxe7	36	f4	g5	56			76		
17	Ne3	Nf4	37	fxf5	Rxf5	57			77		
18	Bf1	Qf6	38	Kf3	Rd5	58			78		
19	Ng4	Rd3	39	Ke4	Kg7	59			79		
20	Kh1	Qf4	40	Rf3	Rxf3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Ethan Lam											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE Pu, Jing											
BLACK Chen, Yi-Hsiang Gabriel											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kd2	Rd8	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Ke3	fxe4	42			62		
3	f4	d5	23	Kxe4	Rd5	43			63		
4	fe	Nxe4	24	Rg5	Rd2	44			64		
5	Qf3	Nc6	25	Rg6	Kd7	45			65		
6	Bb5	Nxc3	26	Rf7	Kc8	46			66		
7	dxc3	Qh4	27	Rbxc3	Rxc2	47			67		
8	g3	Qe4	28	Rxc7	Kb8	48			68		
9	Qxe4	dxe4	29	Rb7	Kc8	49			69		
10	Ne2	Bd7	30	Rxa7	Kb8	50			70		
11	Bxc6	Bxc6	31	Rab7	Kc8	51			71		
12	Rf1	h5	32	Rxc7	Kc8	52			72		
13	Nd4	Bd7	33			53			73		
14	Bg5	Be7	34			54			74		
15	Bxe7	Kxe7	35			55			75		
16	O-O-O	b6	36			56			76		
17	Nf5	Bxf5	37			57			77		
18	Rxf5	Ke6	38			58			78		
19	Rbf1	Raf8	39			59			79		
20	h4	f6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Pu, Jing				Gabriel				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE pu, Jing											
BLACK chen y, Hsiang Gabriel											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kd2	Rd8	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Ke3	Sxe4	42			62		
3	f4	d5	23	Kxe4	Rd5	43			63		
4	Sxe4	Nxe4	24	Rg5	Rd2	44			64		
5	Qf3	Nc6	25	Rg6	Kd7	45			65		
6	Bb5	Nxc3	26	Rf7	Kc8	46			66		
7	dxc3	Qh4	27	Rxc3	Rxc2	47			67		
8	g3	Qe4	28	Rxc7	Kb8	48			68		
9	Qxe4	dxe4	29	Rb7	Kc8	49			69		
10	Ne2	Bd7	30	Rxa7	Kb8	50			70		
11	Bxc6	Bxc6	31	Rab7	Kc8	51			71		
12	Rf1	h5	32	Rxc7	Kc8	52			72		
13	Nd4	Bd7	33			53			73		
14	Bg5	Be7	34			54			74		
15	Bxe7	Kxe7	35			55			75		
16	O-O-O	b6	36			56			76		
17	Nf5	Bxf5	37			57			77		
18	Rxf5	Ke6	38			58			78		
19	Rbf1	Raf8	39			59			79		
20	h4	S6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
pu, Jing				Gabriel				Z			

18:24

Group	664
Round	5
Board	15

WHITE					FED					RESULT (W)	
BLACK					FED					RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	da	ds.	21	Bgs.	Bgz	41	Bas.	Kab	61		
2	c4	cb	22	kgz.	Bgz.	42	Red.	Kab	62		
3	oz	Nfb	23	Kf1	ah3	43	Red	Kol.	63		
4	Nf3	ed	24	kez.	ahs.	44	koz.	hs.	64		
5	Nc3	Nbd7.	25	fd.	ef.	45	Del.	gs.	65		
6	Bd3	dcc4	26	pf1.	ef3.	46	Kd4.	h4	66		
7	Bc4	bs.	27	pf3	gh.	47	Kd5.	ko7.	67		
8	Bd3	nb	28	pf3	ahs.	48	Bf3.	Bf7.	68		
9	o-o	os.	29	kel.	ah1.	49	ks.	fs.	69		
10	rel.	Bb7.	30	pf1.	Re4.	50	Kd5.	h3.	70		
11	Nes.	Nes.	31	Qoz.	Qoz.	51	Bg1	Kfb	71		
12	das.	Nds.	32	kez.	fb	52	Kd4.	QCP	72		
13	Ned.	Nb4	33	Bbz.	Pand	53	Bz2	Kgs	73		
14	Ndb	Bdb	34	Red.	Pf08	54	ks.	Kg6	74		
15	colb	o-o	35	Kfs.	Kab	55	Ked		75		
16	as.	Nd3	36	Bos.	Red.	56			76		
17	Qd3	Qd7.	37	Pfe.	Kf7	57			77		
18	et.	es.	38	Rob	Keb	58			78		
19	Bbz	C4.	39	Ref	Kds.	59			79		
20	Qd4.	Bd4.	40	Bd4.	as	60			80		

SIGNATURE (WHITE)
 Li Hong

SIGNATURE (BLACK)
 Wang Yuhua

SIGNATURE (ARBITER)
 J

18:24

Group	B14
Round	5
Board	15

WHITE						FED		CTN		RESULT (W)	
BLACK						FED		TDE		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	B05	B02	41	B09	K06	61		
2	c4	c6	22	K02	B04	42	R01	K06	62		
3	e3	N06	23	K01	Q03	43	K07	B07	63		
4	N03	e6	24	K02	Q05	44	K03	h5	64		
5	N03	N01	25	F3	e4	45	B01	g5	65		
6	B03	dxc4	26	R01	ex03	46	K04	h4	66		
7	B04	b5	27	P03	Q02	47	K05	Ke1	67		
8	B03	a6	28	R02	Q05	48	R02	K07	68		
9	0-0	c5	29	Ke1	Q01	49	K05	f5	69		
10	Re1	Q07	30	R01	Q04	50	K05	h3	70		
11	N05	N05	31	Q02	Q02	51	B01	K06	71		
12	dxc5	N05	32	K02	f6	52	K04	g4	72		
13	N04	N04	33	B03	R08	53	B02	K05	73		
14	N06	B06	34	R01	R08	54	K05	K06	74		
15	exd6	0-0	35	K02	Re6	55	K06		75		
16	a3	K03	36	B05	R07	56			76		
17	Q03	Q07	37	R01	K07	57			77		
18	e4	e5	38	R06	K06	58			78		
19	B03	c4	39	Re1	K05	59			79		
20	Q02	B04	40	B04	a5	60			80		

SIGNATURE (WHITE)

[Signature]

SIGNATURE (BLACK)

[Signature]

SIGNATURE (ARBITER)

[Signature]

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.24

Group

B14

Round

5

Board

16:19

WHITE												FED		RESULT (W)	
Sung, Sen Hin												HKG		1/2	
BLACK												FED		RESULT (B)	
wangzeyu												CHN		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Rd1	Kt7	41			61						
2	d4	d5	22			42			62						
3	nc3	de	23			43			63						
4	nxex	nd7	24			44			64						
5	nt3	lgt	25			45			65						
6	nxfs	nxfs	26			46			66						
7	c3	be7	27			47			67						
8	be2	o-o	28			48			68						
9	o-o	c5	29			49			69						
10	be3	nd5	30			50			70						
11	bc4	hxe3	31			51			71						
12	fe	cd	32			52			72						
13	ed	bb	33			53			73						
14	Qb3	b3	34			54			74						
15	ne5	bd5	35			55			75						
16	bx15	Qxd5	36			56			76						
17	Qxd5	ed	37			57			77						
18	Rfe1	bt	38			58			78						
19	Re2	fb	39			59			79						
20	nc6	Rf2	40			60			80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
bm				wangzeyu				J							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8/24

Group

B14

Round

5/9

Board

16:19

WHITE												FED		RESULT (W)	
Sung, Sen Hin												HKG		1/2	
BLACK												FED		RESULT (B)	
Wang, Zeyu (SZ)												CHN		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Re1		41			61						
2	d4	d5	22			42			62						
3	nc3	de	23			43			63						
4	Ne4	Nd7	24			44			64						
5	Nf3	Nf6	25			45			65						
6	Nf6	Nf6	26			46			66						
7	c3	Be7	27			47			67						
8	Be2	o-o	28			48			68						
9	o-o	c5	29			49			69						
10	Be3	Nd5	30			50			70						
11	Bc4	Ne3	31			51			71						
12	fe	cd	32			52			72						
13	ed	bb	33			53			73						
14	Qb3	Bb7	34			54			74						
15	Ne5	Bd5	35			55			75						
16	Bd5	Qd5	36			56			76						
17	Qd5	ed	37			57			77						
18	Rfe1	Bd6	38			58			78						
19	Re2	fb	39			59			79						
20	Nf3	Re8	40			60			80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
bm				wangzeyu				J							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24 Board 17

WHITE Hu Jin Peng											
BLACK Khongui Bayarjargal											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	e5	Nh7	41	Nf5	Rf5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qd2	f5	42	Rc2	Ke6	62		
3	Bb5	a6	23	e6	~~Re8~~	43	Kd3	Rb5	63		
4	Ba4	Nf6	24	g4	b4	44	Kc4	Rb2	64		
5	O-O	Bc7	25	gf	b3	45	Rc2	Kf5	65		
6	d2	b5	26	Bd1	Ba6	46	Kd5	Rd2	66		
7	Bb2	d6	27	Qc2	Re8	47	Rf2	Kg4	67		
8	c3	Na5	28	Ng3	Ne5	48	Rf7	Rb2	68		
9	Bc2	c5	29	Qd2	Nd2	49	Kd6	Kb2	69		
10	Rc1	Bb6	30	Rf1	~~Nf5~~	50	Ra7	Rh2	70		
11	Nd2	O-O	31	Ng5	Bg5	51	Ra4	Kf5	71		
12	Nf1	Bc6	32	Bb5	Qa5	52	Ra5	Kf6	72		
13	Ng5	Bd7	33	~~Qg5~~	hg	53	Kc7	Rc2	73		
14	f4	h6	34	Re2	Rc2	54	Rc5		74		
15	Nf2	af	35	Bd3	Bd3	55			75		
16	Bf4	Nh5	36	Rf2	Rf6	56			76		
17	Re3	Nf6	37	Rc2	bc	57			77		
18	a7	a5	38	Rc1	Kf8	58			78		
19	d4	cd	39	Kf2	Ke7	59			79		
20	cd	a4	40	Kd3	Bf5	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jin				SIGNATURE (BLACK) Khongui Bayarjargal				SIGNATURE (ARBITER) J			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026 8-24 Board 72

WHITE Hu Jin Peng											
BLACK Khongui Bayarjargal											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	e5	Nh7	41	Nf5	Rf5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qd2	f5	42	Rc2	Ke6	62		
3	Bb5	a6	23	e6	~~Re8~~	43	Kd3	Rb5	63		
4	Ba4	Nf6	24	g4	b4	44	Kc4	Rb2	64		
5	O-O	Bc7	25	f5	b3	45	Kc2	Kf5	65		
6	d2	b5	26	Bd1	Ba6	46	Kd5	Rd2	66		
7	Bb2	d6	27	Qc2	Re8	47	Rf2	Kg4	67		
8	c3	Na5	28	Ng3	Ne5	48	Rf7	Rb2	68		
9	Bc2	c5	29	Qd2	Nd2	49	Kd6	Kb2	69		
10	Rc1	Bb6	30	Rf1	~~Nf5~~	50	Ra7	Rh2	70		
11	Nd2	O-O	31	Ng5	Bg5	51	Ra4	Kf5	71		
12	Nf1	Bc6	32	Bb5	Qa5	52	Ra5	Kf6	72		
13	Ng5	Bd7	33	~~Qg5~~	hg	53	Kc7	Rc2	73		
14	f4	h6	34	Re2	Rc2	54	Rc5		74		
15	Nf2	af	35	Bd3	Bd3	55			75		
16	Bf4	Nh5	36	Rf2	Rf6	56			76		
17	Re3	Nf6	37	Rc2	bc	57			77		
18	a7	a5	38	Rc1	Kf8	58			78		
19	d4	cd	39	Kf2	Ke7	59			79		
20	cd	a4	40	Kd3	Bf5	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jin				SIGNATURE (BLACK) Khongui Bayarjargal				SIGNATURE (ARBITER) J			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24-8-2026

Group 1614
Round 5
Board 18

WHITE Thang En Ruci											
BLACK Siu Tsz Hin Zachary											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rf3	Bg3	41	fxg4	fxg4	61		
2	d4	d5	22	hxg3	Qc7	42	Ng6	Kf5	62		
3	Nf3	dxc4	23	Rd4	Rf4	43	Nh4	Kf4	63		
4	Nce4	Nd7	24	Ra1	Nf6	44	Ng6	Kg2	64		
5	Nf3	Ng6	25	Rxd8	Rxd8	45	Kc3	Kg2	65		
6	Nxf6	Nxf6	26	Rxd8	Qxd8	46	Nf4	Kc3	66		
7	Bd3	c5	27	Qd2	Qd7	47	Nxh5	Qd3	67		
8	c3	Bc7	28	Qd4	Qd4	48	Ng3	Kg3	68		
9	0-0	0-0	29	Lxh4	Lxh4	49	Kb4	Kf4	69		
10	Bc2	b6	30	Kf1	Kf8	50	Kc5	Nc4	70		
11	Bg5	Lxh4	31	Kc2	Kc7	51	Kxh3	Nxh3	71		
12	Nxh4	Bb7	32	Nc3	a4	52	L5	Kc5	72		
13	Qd3	Be4	33	g4	Nc8	53	Kc5	Nd3	73		
14	Qd2	Bxc2	34	Kd3	Nd5	54	Kc6	Kd4	74		
15	Qxc2	h6	35	Nf3	g5	55	Kb5	Kd5	75		
16	Bf4	Nd5	36	Nd2	f5	56	Kxh4	Kc5	76		
17	Bg3	Rc8	37	gxf5	Lxh4	57	Kb3		77		
18	a3	Bc5	38	Nf3	Kc6	58			78		
19	Nf3	a5	39	Nc5	h5	59			79		
20	Qe2	Bd6	40	f3	g4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Thang En Ruci				Siu Tsz Hin				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24-8-2026

Group 1614
Round 6
Board 18

WHITE Thang En Ruci											
BLACK Siu Tsz Hin Zachary											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rf3	Bg3	41	fxg4	fxg4	61		
2	d4	d5	22	hxg3	Qc7	42	Ng6	Kf5	62		
3	Nc3	dxc4	23	Rd4	Rf4	43	Nh4	Kf4	63		
4	Nce4	Nd7	24	Ra1	Nf6	44	Ng6	Kg2	64		
5	Nf3	Ng6	25	Rxd8	Rxd8	45	Kc3	Kg2	65		
6	Nxf6	Nxf6	26	Rxd8	Qxd8	46	Nf4	Kc3	66		
7	Bd3	c5	27	Qd2	Qd7	47	Nxh5	Qd3	67		
8	c3	Bc7	28	Qd4	Qd4	48	Nxg3	Kg3	68		
9	0-0	0-0	29	cd	b5	49	Kb4	Kf4	69		
10	Bc2	b6	30	Kf1	Kf8	50	Kc5	Nc4	70		
11	Bg5	cd	31	Kc2	Kc7	51	Kxh3	Nxh3	71		
12	Nxh4	Bb7	32	Nc3	a4	52	d5	Kc5	72		
13	Qd3	Be4	33	g4	Nc8	53	Kc5	Nd3	73		
14	Qd2	Bxc2	34	Kd3	Nd5	54	Kc6	Kd4	74		
15	Qxc2	h6	35	Nf3	g5	55	Kb5	Kd5	75		
16	Bf4	Nd5	36	Nd2	f5	56	Kxh4	Kc5	76		
17	Bg3	Rc8	37	gxf5	Lxh4	57	Kb3		77		
18	a3	Bc5	38	Nf3	Kc6	58			78		
19	Nf3	a5	39	Nc5	h5	59			79		
20	Qe2	Bd6	40	f3	g4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Thang En Ruci				Siu Tsz Hin				Z			